UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 965 /QĐ-SNNMT

An Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 và các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023 và các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024 và các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung quy định phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung quy định phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1805/QĐ-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu nông nghiệp và môi trường (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết về phát triển thử nghiệm trong chuyển đổi số và quản lý chất lượng các hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT ngày 30/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định kỹ thuật đo đạc, lập bản đồ và cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT); Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 Quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT); Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 Quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT); Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 Quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT và bãi bỏ một phần bởi Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT);

Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 Quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT và bãi bỏ một phần bởi Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT); Thông tư số 48/2024/TT-BTNMT ngày 31/12/2024 Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu;

Căn cứ Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh An Giang về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/ 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 23/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về Điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 25/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Hành động phát triển Chính phủ số, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh An Giang về Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Phê duyệt Chiến lược dữ liệu của tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Khung kiến trúc số tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo Công văn số 4228/STC-QLNS ngày 20/05/2026 của Sở Tài chính về việc lấy ý kiến thuyết minh nhiệm vụ và dự kiến kinh phí "Thuê dịch vụ CNTT về cơ sở dữ liệu đất đai" và "Thuê dịch vụ CNTT về cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp";

Theo Công văn số 3376/SKHCN-CĐS ngày 01/06/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc ý kiến góp ý thuyết minh nhiệm vụ và dự kiến kinh phí "Thuê dịch vụ CNTT về cơ sở dữ liệu đất đai" và "Thuê dịch vụ CNTT về cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp";

Theo Công văn số 3085/CAT-ANM ngày 22/6/2026 của Công an tỉnh An Giang về việc góp ý phương án đảm bảo an toàn thông tin;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 787/QĐ-SNNMT ngày 21/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ký thay Giám đốc Sở các văn bản, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ chuyển đổi số và Đề án 06 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính tại Tờ trình số 10/TTr-KHTC ngày 14/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin về cơ sở đất đai theo Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên cơ quan thuê dịch vụ: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

2. Danh mục thuê dịch vụ: Thuê dịch vụ công nghệ số về cơ sở dữ liệu đất đai; số lượng: 01 hệ thống cơ sở dữ liệu.

3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ: 05 năm, từ năm 2026 đến năm 2030.

4. Dự kiến kinh phí: 78.000 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp): 78.000 triệu đồng, căn cứ theo Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh An Giang.

- Nguồn khác (nếu có): Không có.

- Phân kỳ vốn:

+ Năm thứ nhất: 16.000 triệu đồng;

+ Năm thứ hai: 15.500 triệu đồng;

+ Năm thứ ba: 15.500 triệu đồng;

+ Năm thứ tư: 15.500 triệu đồng;

+ Năm thứ năm: 15.500 triệu đồng.

- Các chi phí bao gồm trong nhiệm vụ thuê và dự toán chi tiết được xác định căn cứ theo Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ, Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ và

các quy định pháp luật hiện hành liên quan. Tổng dự toán và giá trị các hợp đồng không vượt mức kinh phí dự kiến tại Quyết định này.

(Chi tiết tại Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Luật Đất đai, Luật Chuyển đổi số, Luật Dữ liệu, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, kế hoạch vốn và các quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo công tác quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, không lãng phí, không trùng lắp theo quy định. Hằng năm lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan. Trong trường hợp có phát sinh vượt mức kinh phí dự kiến hoặc có thay đổi về mục tiêu, quy mô, phạm vi, thời gian thực hiện nhiệm vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh trước khi thực hiện.

2. Giao Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp Chi cục Quản lý Đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, các Phòng, đơn vị trực thuộc Sở tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ được phê duyệt đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành, định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện.

3. Các Phòng, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm cung cấp, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý, phụ trách; phối hợp chặt chẽ trong công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ số, thử nghiệm, kiểm thử, nghiệm thu, khai thác và sử dụng hệ thống hiệu quả, đúng quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các Phòng, đơn vị trực thuộc Sở, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Công an tỉnh;
- GĐ và các PGĐ Sở NNMT;
- Phòng KHTC, Văn phòng Sở;
- Lưu: VT.KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Hồ Thanh Bình